

Số:/QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ I, năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGĐT ngày 05/4/2016 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-ĐHQT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 158/TTr-ĐTĐH ngày 06 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 47 sinh viên học kỳ I, năm học 2021-2022 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức học bổng cụ thể của từng sinh viên được thể hiện trong danh sách đính kèm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Tiến Khoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT, ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	MSSV	HỌ	TÊN	ĐIỂM GPA HỌC KỲ	ĐIỂM TB HỌC BỔNG	SỐ TC ĐĂNG KÝ	GIA TRỊ HB (VND)
01	BAACIU19004	Trần Bảo	Ngọc	87.9	85.7	22	VND 13,836,000
02	BAACIU20006	Trần Ngọc Hoàng	Khanh	84.4	75.96	16	VND 13,836,000
03	BAACIU20043	Lê Hà	Phương	84.4	75.96	16	VND 13,836,000
04	BABAIU18027	Võ Ngọc Trân	Châu	89.3	88.18	23	VND 13,836,000
05	BABAIU18047	Nguyễn Minh Hiếu	Hà	90.3	86.91	21	VND 13,836,000
06	BABAIU18049	Lê Thị Kim	Hằng	90	86.62	21	VND 13,836,000
07	BABAIU18077	Nguyễn Phạm Gia	Khánh	95	90.25	20	VND 13,836,000
08	BABAIU18088	Hứa Ngọc Nghi	Lâm	88	86.9	23	VND 13,836,000
09	BABAIU18149	Mai Thảo	Nhi	89.4	84.93	20	VND 13,836,000
10	BABAIU18191	Phan Đoàn Công	Thành	91	86.45	20	VND 13,836,000
11	BABAIU18236	Trần Trịnh	Tùng	90.9	89.76	23	VND 13,836,000
12	BABAIU18275	Nguyễn Phạm Thùy	Linh	86.9	85.81	23	VND 13,836,000
13	BABAIU18330	Trịnh Thị Thùy	Trang	86	84.93	23	VND 13,836,000
14	BABAIU18336	Nguyễn Hoàn Bảo	Khuyên	88.7	84.27	20	VND 13,836,000
15	BABAIU18345	Phan Ngọc Thùy	Trang	87	87	24	VND 13,836,000
16	BABAIU18389	Phan Bội	Nhi	86	86	24	VND 13,836,000
17	BABAIU18402	Nguyễn Diệu	Thùy	90	88.88	23	VND 13,836,000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	ĐIỂM GPA HỌC KỲ	ĐIỂM TB HỌC BỔNG	SỐ TC ĐĂNG KÝ	GIÁ TRỊ HB (VND)
18	BABAIU19035	Nguyễn Lâm Thanh	Huyền	93.9	91.55	22	VND 13,836,000
19	BABAIU19040	Thân Ngọc	Khánh	90.1	87.85	22	VND 13,836,000
20	BABAIU19041	Nguyễn Nhật	Khoa	93.3	87.47	19	VND 13,836,000
21	BABAIU19051	Nguyễn Ngọc	Long	89	87.89	23	VND 13,836,000
22	BABAIU19060	Nguyễn Phan Quốc	Minh	86	84.93	23	VND 13,836,000
23	BABAIU19090	Nguyễn Thái	Thanh	90.9	87.49	21	VND 13,836,000
24	BABAIU19097	Tạ Thị Anh	Thư	89.9	87.65	22	VND 13,836,000
25	BABAIU19112	Vương Gia	Tuấn	90	85.5	20	VND 13,836,000
26	BABAIU19135	Vương Thị Ngọc	Ánh	87	85.91	23	VND 13,836,000
27	BABAIU19182	Vàng Hoàng	Hân	86	84.93	23	VND 13,836,000
28	BABAIU19322	Phan Thùy Phương	Thảo	88	85.8	22	VND 13,836,000
29	BABAIU19371	Nguyễn Thị Thu	Uyên	89	86.78	22	VND 13,836,000
30	BABAIU19400	Phạm Thị Lan	Anh	89.7	85.22	20	VND 13,836,000
31	BABAIU20006	Nguyễn Phúc Huy	Anh	89.2	83.63	19	VND 13,836,000
32	BABAIU20048	Trần Gia	Hân	88.4	82.88	19	VND 13,836,000
33	BABAIU20066	Nguyễn Đoàn Phương	Linh	87.7	83.32	20	VND 13,836,000
34	BABAIU20124	Nguyễn Võ Hoàng	Phương	90	85.5	20	VND 13,836,000
35	BABAIU20181	Lê Hoàng Thúy	Vi	90.9	86.36	20	VND 13,836,000
36	BABAIU20184	Dương Triệu	Vy	89.8	85.31	20	VND 13,836,000
37	BABAIU20526	Trương Phúc	An	89.9	84.28	19	VND 13,836,000
38	BABAIU20539	Lưu Tiến	Đạt	91.2	85.5	19	VND 13,836,000
39	BABAIU20542	Bùi Đào Khả	Doanh	87.8	83.41	20	VND 13,836,000
40	BABAUH20037	Phạm Anh	Thư	90.8	83.99	18	VND 13,836,000
41	BAFNIU18160	Đỗ Công Anh	Tuấn	86.1	85.02	23	VND 13,836,000
42	BAFNIU18235	Trương Trần Ngọc	Ánh	87.7	84.41	21	VND 13,836,000
43	BAFNIU19012	Trương Thanh	Hoa	93.7	92.53	23	VND 13,836,000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	ĐIỂM GPA HỌC KỲ	ĐIỂM TB HỌC BỔNG	SỐ TC ĐĂNG KÝ	GIÁ TRỊ HB (VND)
44	BAFNIU19165	Ngô Diệu	Thi	86	86	24	VND 13,836,000
45	BAFNIU20347	Trịnh Quang	Minh	88.3	82.78	19	VND 13,836,000
46	BAFNIU20422	Phan Thị Phương	Thảo	87.8	83.41	20	VND 13,836,000
47	BAFNIU20470	Đào Thanh	Vy	85.2	80.94	20	VND 13,836,000